TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 990/2024/HC-PT
Ngày 11 tháng 9 năm 2024
V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 551/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2024/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2790/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Đỗ Gia H, sinh năm 1962 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xử vắng mặt).

1.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 2 B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân quận T *và Chủ tịch* Ủy ban nhân dân quận T*:* Ông Nguyễn bá T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (vắng mặt, có văn bản đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận T *và Chủ tịch* Ủy ban nhân dân quận T*:* Ông Nguyễn Tấn T1, Trưởng Ban B (có mặt).

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt).

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt).

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H.

Địa chỉ: F L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H*:* Ông Nguyễn Toàn T2, chức vụ Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H (vắng mặt, có văn bản đề nghị xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của người khởi kiện - ông Đỗ Gia H*, bà* Nguyễn Thị L *và lời khai của người khởi kiện trong quá trình tham gia tố tụng như sau :*

Ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L là chủ sở hữu nhà đất số C đường B, Phường B, quận T, bị thu hồi 34,94m^2 để thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường T - B - Vành đai ngoài trên địa bàn quận T. Ngày 15/10/2010, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 về bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho ông H và bà L.

Không đồng ý với việc bồi thường. Ngày 17/11/2014, người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND quận T về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N - B- Vanh đai ngoài trên địa bàn quận T.

Ngày 01/7/2015, người khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 21/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch UBND quận T.

Ngày 04/12/2015, người khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 1999/UBND – DA ngày 06/11/2015 của UBND quận T.

Ngày 07/07/2023, người khởi kiện bổ sung yêu cầu Toà án hủy bỏ Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về hỗ trợ bằng bồi thường đối với phần diện tích đất 20,64m^2 không được công nhận trong giấy chứng nhận của ông H.

Ngày 05/9/2023, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5292/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch UBND Thành phố H (đã yêu cầu tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/6/2021).Yêu cầu UBND quận T bồi thường 38,30m^2 đất đã thu hồi cách tính

như 47 hộ quận G là bồi thường cộng thêm lãi suất ngân hàng có kỳ hạn từ năm 2008 cho đến khi bồi thường xong và phần hỗ trợ do lỗi chậm chi trả bồi thường của cơ quan nhà nước, không được tính thuế tiền sử dụng đất.

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thụ lý các yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L như sau:

- Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND quận T về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N - B- Vanh đai ngoài trên địa bàn quận T.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 21/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch UBND quận T.

- Hủy Công văn số 1999/UBND-DA ngày 06/11/2015 của UBND quận T.

- Hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về hỗ trợ bằng bồi thường đối với phần diện tích đất 20,64m^2 không được công nhận trong giấy chứng nhận của ông H.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5292/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch UBND Thành phố H (đã yêu cầu tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/6/2021).

Yêu cầu UBND quận T bồi thường 38,30m^2 đất đã thu hồi cách tính như 47 hộ quận G là bồi thường cộng thêm lãi suất ngân hàng có kỳ hạn từ năm 2008 cho đến khi bồi thường xong và phần hỗ trợ do lỗi chậm chi trả bồi thường của cơ quan nhà nước, không được tính thuế tiền sử dụng đất.

Người bị kiện - UBND quận T *và Chủ tịch* UBND quận T *có Văn bản số 1559/UBND-ĐT ngày 28/7/2022 trình bày như sau:*

Căn nhà số C đường B, Phường B, quận T do ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L là chủ sở hữu, có nguồn gốc do Sư đoàn C cấp 1988. mua hóa giá nhà năm 1992 với diện tích khuôn viên 147,4m^2 được xác định theo bản vẽ do Hội đồng bán hóa giá nhà Sư đoàn 370 lập ngày 21 tháng 11 năm 1991.

Năm 1994, được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 5871/CN-UB ngày 24 tháng 10 năm 1994 với diện tích khuôn viên được công nhận 147,40m^2, diện tích xây dựng 72,00m^2.

Ngày 11 tháng 8 năm 1999 ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L kê khai nhà đất với căn nhà nêu trên với diện tích 147,40m^2.

Ngày 07 tháng 3 năm 2005, Ủy ban nhân dân quận T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00064/26965 ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L với diện tích khuôn viên đất công nhận 145,80m^2 (phần diện tích khuôn viên giảm 147,4m^2 - 145,80m^2 = 1,6m^2 so với giấy chứng nhận năm 1994 là sai số trong đo vẽ do chiều rộng mặt sau nhà thực tế giảm từ 4,8m xuống còn 4,77m chiều dài không thay đổi).

Diện tích chênh lệch giữ đo đạc thực tế và diện tích khuôn viên được công nhận trong giấy chứng nhận là: 194,75m^2 – 145,80m^2 = 48,95m^2, trong đó:

- Diện tích đất thu hồi: 34,94m^2 gồm có:

+ Diện tích: 20,64m^2 do ông H chiếm dụng từ tháng 01 năm 1993.

+ Diện tích: 14,30m^2 thuộc phần diện tích khuôn viên mua hóa giá năm 1992, được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà năm 1994.

- Diện tích còn lại: 14,01m^2 không thuộc phần diện tích thu hồi đất.

Họa đồ hiện trạng số 74/TSN-BL-VĐN do Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận lập ngày 03 tháng 10 năm 2007 thể hiện căn nhà số C đường B, Phường B do ông Đỗ Gia H là chủ sử dụng có diện tích khuôn viên thực tế là 194,75m^2. Trong đó phần diện tích thu hồi là 34,94m^2 (thuộc phần diện tích sử dụng thực tế nhưng không được công nhận trong giấy chứng nhận).

Về đơn giá đất ở để tính bồi thường trong dự án Đầu tư xây dựng đường N - B - Vành đai ngoài trên địa bàn quận T được Ủy ban nhân dân Thành phố C tại Văn bản số 598/UBND-ĐTMT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Mặt tiền đường B là 32.200.000 đồng/m^2.

Ngày 15 tháng 01 năm 2010, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N - B - Vành đai ngoài trên địa bàn quận T.

Theo Bảng tính giá trị bồi thường hỗ trợ số 05/HĐBT ngày 07 tháng 01 năm 2010 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư của dự án.

Diện tích đất thu hồi: 34,94m^2, trong đó:

- Diện tích: 14,30m^2 thuộc phần diện tích khuôn viên mua hóa giá năm 1992, được công nhận trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà năm 1994, tính bồi thường 100%.

- Diện tích: 20,64m^2 do ông H chiếm dụng từ tháng 01 năm 1993, được áp dụng theo khoản 7 Điều 7 Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, phần diện tích này không được bồi thường chỉ được tính hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 724.096.720 đồng.

Như vậy, Ủy ban nhân dân quận T đã thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đủ diện tích, đúng theo quy định của pháp luật đối với nhà, đất số căn nhà số C đường B, Phường B, quận T.

Ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L không đồng ý nhận số tiền trên, nên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng đã chuyển toàn bộ số tiền vào ngân hàng N, chi nhánh A.

Đối với ý kiến người khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2016 về hỗ trợ bằng bồi thường đối với phần diện tích đất 20,64m^2 không được công nhận trong giấy chứng nhận.

Đây là chính sách của Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ thêm cho người dân (có lợi cho người dân) đối với phần diện tích lấn chiếm (20,64m^2) không được công nhận trong giấy chứng nhận. Phần diện tích này trước đây theo quy định của pháp luật không được bồi thường chỉ được tính hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở.

Căn cứ Kết luận thanh tra số 158/KL-TTCP ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thanh tra Chính phủ: "*Căn cứ hồ sơ lưu tại* Ủy ban nhân dân quận T *cho thấy, mặc dù hồ sơ pháp lý của các hộ dân khác nhau, hộ được cấp nhà, hộ được cấp đất nhưng trên thực tế các hộ đều sử dụng đất cùng thời điểm, liên tục có ranh giới rõ ràng và không tranh chấp. Vì vậy, kiến nghị* Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận T *xem xét bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tiễn, đảm bảo sự công bằng giữa các hộ dân để chấm dứt khiếu kiện"*.

Trên cơ sở kiến nghị của Ủy ban nhân dân quận T, Thanh tra Thành phố và Hội đồng thẩm định bồi thường Thành phố xem xét lại một số kiến nghị của các hộ dân về bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án đường T - B – Vành đai ngoài. Ngày 19 tháng 01 năm 2015, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Văn bản số 43/UBND-ĐTMT-M về giải quyết một số vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án đường nối T - B – Vành đai ngoài trên địa bàn quận T, trong đó Ủy ban nhân dân Thành phố, nhưng phải trừ nghĩa vụ tài chính đối với phần diện tích vượt hạn mức.

Vì vậy, ngày 02 tháng 11 năm 2016, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 652/QĐ-UBND về hỗ trợ bằng bồi thường đối với phần diện tích đất 20,64m^2.

- *Diện tích: 20,64m^2 do ông* H *chiếm dụng từ tháng 01 năm 1993 không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005, thuộc phần diện tích đất ngoài hạn mức đất ở 160m^2. Hỗ trợ bằng bồi thường theo đất vượt hạn mức đất ở, trừ tiền sử dụng đất vào thời điểm duyệt phương án bồi thường: 32.200.000 đồng – 7.100.000 đồng = 25.100.000 đồng/m^2*.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 326.999.520 đồng.

Như vậy phần diện tích đất bị thu hồi 34,94m^2 đến nay được tính bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường, với tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ *(phần diện tích nằm ngoài hạn mức giao đất ở được tính hỗ trợ bằng 100 % đơn giá đất ở để tính bồi thường có trừ nghĩa vụ tài chính)* với tổng số tiền là 1.051.096.240 đồng.

Hiện nay, ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L chưa đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng đã chuyển toàn bộ số tiền vào Ngân hàng N, chi nhánh A.

Người bị kiện - Chủ tịch UBND Thành phố H *đã có Văn bản nêu ý kiến số 2361/UBND-NCPC ngày 12/7/2022:* Đề nghị Toà án đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân Thành phố H *và* Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H*:* Vắng mặt, đã được tống đạt hợp lệ 02 lần.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2024/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L, cụ thể:

1.1. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND quận T về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N - B- Vanh đai ngoài trên địa bàn quận T.

1.2. Bác yêu cầu khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 21/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch UBND quận T.

1.3. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Công văn số 1999/UBND–DA ngày 06/11/2015 của UBND quận T.

1.4. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về hỗ trợ bằng bồi thường đối với phần diện tích đất 20,64m^2 không được công nhận trong giấy chứng nhận của ông H.

1.5. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5292/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch UBND Thành phố H (đã yêu cầu tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/6/2021).

1.6. Bác yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân quận T bồi thường 38,30m^2 đất đã thu hồi cách tính như 47 hộ quận G là bồi thường cộng thêm lãi suất ngân hàng có kỳ hạn từ năm 2008 cho đến khi bồi thường xong và phần hỗ trợ do lỗi chậm chi trả bồi thường của cơ quan nhà nước, không được tính thuế tiền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/9/2022, người khởi kiện - ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà, hủy các Quyết định hành chính ông bà đã khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện - ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị Toà án giải quyết theo qui định của pháp luật).

- Người đại diện theo ủy quyền của những người bị kiện - Ủy ban nhân dân quận T, Chủ tịch UBND quận T, Chủ tịch UBND thành phố H vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND thành phố H, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của **UBND quận T** trình bày ý kiến: **UBND quận T** không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện. Việc **UBND quận T** ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất đối với hộ ông **H** là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Người khởi kiện - ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2024/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của UBND quận T, Chủ tịch UBND quận T và Sở T vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); UBND thành phố H, Chủ tịch UBND thành phố H vắng mặt. Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

[2.1] Người khởi kiện - ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án hủy: Quyết định giải quyết khiếu nại số 21/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch UBND quận T; Công văn số 1999/UBND-DA ngày 06/11/2015 của UBND quận T; Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về hỗ trợ bằng bồi thường; Quyết định giải quyết khiếu nại số 5292/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch UBND Thành phố H và buộc Ủy ban nhân dân quận T bồi thường 38,30m^2 đất đã thu hồi cách tính như 47 hộ quận G là bồi thường cộng thêm lãi suất Ngân hàng có kỳ hạn từ năm 2008 cho đến khi bồi thường xong và phần hỗ trợ do lỗi chậm chi trả bồi thường của Cơ quan nhà nước, không được tính thuế tiền sử dụng đất.

[2.2] Đây là khiếu kiện về Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32. Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo qui định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của ông ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L.

[3.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND quận T về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất.

[3.1.1] Về Thẩm quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành quyết định số 90 QĐ-UBND ngày 15/10/2010 về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N - B – Vanh đai ngoài trên địa bàn

quận T là không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003. Tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến nội dung bồi thường nên không hủy quyết định số 90 QĐ-UBND ngày 15/10/2010 vì lý do này.

[3.1.2] Về trình tự, thủ tục: Ngày 22/05/1996, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 2464/UBTP phê quy hoạch tuyến đường vành đai trong đoạn từ cầu B mới đến đường B - N thuộc địa bàn quận B, G, T, Quận H và huyện B.

Ngày 27/12/2006, Quyết định 199/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường số 74/PA-HĐBT ngày 26/12/2006 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án tư đường N - B - Vành đai ngoài trên địa bàn phường B, quận T.

Ngày 29/01/2008, quyết định 103 về thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư đường N - B - Vành đai ngoài.

Ngày 20/03/2008, có biên bản kiểm kê tài sản đất đai bị thiệt hại.

Ngày 14/07/2009, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định 646/UB TB phê duyệt Phương án 165 về Bồi thường trên địa bàn Phường B, quận T do Hội đồng bồi thường tái định cư quận T lập.

Ngày 15/01/2010, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi thu hồi đất thực hiện dự án tư đường N - B - Vành đai ngoài trên địa bàn phường B, quận T.

Như vậy, việc ban hành Quyết định 90/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND quận T về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N - B – Vanh đai ngoài trên địa bàn quận T là đúng trình tự thủ tục theo qui định của Pháp luật đất đai.

[3.1.3] Về nội dung: Xét nguồn gốc phần diện tích đất 20,64m² là đất lấn chiếm, không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00064/26965 ngày 07 tháng 3 năm 2005. Ngày 27/01/2010, cơ quan có thẩm quyền có bảng chiết tính giá trị bồi thường cho ông Đỗ Gia H tổng số tiền là 724.096.720 đồng trong đó có hỗ trợ 30% giá trị phần diện tích 20,64m^2 ông H đã lấn chiếm và sử dụng là phù hợp khoản 2, phần 11 của Phương án số 165/PA-HĐBT ngày 29 tháng 4 năm 2009; điểm a, khoản 7 Điều 7 Quyết định số 17/2008/OD-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố. Ông H, bà L yêu cầu bồi thường hỗ trợ 100% giá trị phần diện tích 20,64m^2 là không có cơ sở. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND quận T về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N - B – Vành đai ngoài trên địa bàn quận T là đúng qui định của pháp luật.

[3.2] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 21/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch UBND quận T.

[3.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền: Quyết định trên được ban hành đúng trình tự, thẩm quyền quy định tại Điều 27, 29, 30, 31, 32 Luật khiếu nại 2011.

[3.2.2] Về nội dung: Như đã phân tích từ mục [3.1] đến mục [3.1.3], nêu trên. Xét thấy nội dung khiếu nại của ông H và bà L là không có cơ sở, nên việc Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định không chấp nhận khiếu nại của ông H và bà L là có cơ sở. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông H và bà L về việc khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND quận T là đúng pháp luật.

[3.3] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 5292/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch UBND Thành phố H.

[3.3.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền: Quyết định trên được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Điều 18, Điều 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43 Luật khiếu nại 2011.

[3.3.2] Về nội dung: Như đã phân tích từ mục [3.1] đến mục [3.3.1] nêu trên. Xét thấy nội dung khiếu nại của ông H và bà L là không có cơ sở. Do đó, việc Chủ tịch UBND thành phố H bác khiếu nại của ông ông H và bà L là có cơ sở. Bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu của ông H và bà L về việc khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5292/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch UBND Thành phố H là đúng pháp luật.

[3.4] Về yêu cầu bồi thường diện tích 38,30m^2 đất đã thu hồi.

Theo Họa đồ hiện trạng xác định diện tích đất và diện tích xây dựng để phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng số 74/TSN-BL-VĐN ngày 03/10/2007, nhà số C B, Phường B, quận T của ông H bà L, giải tỏa 1 phần diện tích 34,94m^2. Ông H bà L không có chứng cứ chứng minh bị thu hồi 38,30m^2 nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường diện tích đất 38,30m^2 đã thu hồi là đúng pháp luật.

[3.5] Yêu cầu bồi thường theo cách tính như 47 hộ quận G.

Về đơn giá đất ở để tính bồi thường trong dự án Đầu tư xây dựng đường N - B – Vành đai ngoài trên địa bàn quận T được Ủy ban nhân dân Thành phố C tại Văn bản số 598/UBND-ĐTMT ngày 24 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Mặt tiền đường B là 32.200.000 đồng/m^2. Ủy ban nhân dân quận T bồi thường đơn giá đất ở 32.200.000 đồng/m^2 cho ông H, bà L là đúng. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp yêu cầu của ông H bà L bồi thường theo cách tính như 47 hộ quận G là đúng pháp luật.

[3.6] Yêu cầu bồi thường 20,64m² không khấu trừ nghĩa vụ tài chính tại Công văn số 1999/UBND-DA ngày 06/11/2015 và Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 02/11/2016.

Căn cứ Quyết định số 64/2001/QĐ-UB ngày 30 tháng 7 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Quy định hạn mức đất ở tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó tại Điều 1 hạn mức các quận nội thành (trong đó có quận T) không quá 160,00m² hộ.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00064/26965 cấp cho ông H, bà L thì phần diện tích 20,64m² do ông H chiếm dụng từ tháng 01 năm 1993, thuộc phần diện tích đất ngoài hạn mức đất ở 160m². Do đó, phía người bị kiện đã hỗ trợ bằng bồi thường theo đất vượt hạn mức đất ở, trừ tiền sử dụng đất vào thời điểm

duyệt phương án bồi thường: 32.200.000 đồng – 7.100.000 đồng = 25.100.000 đồng/m² là phù hợp theo Văn bản số 43/UBND-ĐTMT-M về giải quyết một số vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án đường nối T - B – Vành đai ngoài trên địa bàn quận T và khoản 3 Điều 23 của Quy định bồi thường ban hành kèm theo Quyết định số 17/2008 ngày 14/3/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố và phần IV mục e.2 của Phương án số 74/PA-HĐBT ngày 26 tháng 12 năm 2006. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện là có cơ sở.

[3.7] Đối với yêu cầu bồi thường lãi suất Ngân hàng có kỳ hạn từ năm 2008 cho đến khi bồi thường xong: Như đã phân tích trên, Ủy ban nhân dân quận T thực hiện bồi thường cho ông H, bà L đúng qui định, đã nhiều lần mời ông H bà L nhận tiền bồi thường nhưng ông H, bà L không nhận nên Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng đã chuyển toàn bộ số tiền trên vào Ngân hàng N, Chi nhánh A và được trả lãi theo quy định. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường lãi suất Ngân hàng có kỳ hạn từ năm 2008 cho đến khi bồi thường xong là có căn cứ.

[4] Ông H và bà L kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà nhưng tại cấp phúc thẩm cũng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Như đã phân tích trên, Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà L .

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của H và bà L, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 96/2024/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và đúng pháp luật, được chấp nhận.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H và bà L thuộc trường hợp người cao tuổi nên được xét miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện - ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 96/2024/HC-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1.1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Gia H và bà Nguyễn Thị L, cụ thể:

1.2. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 15/10/2010 của Chủ tịch UBND quận T về bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường N - B- Vanh đai ngoài trên địa bàn quận T.

1.3. Bác yêu cầu khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 21/QĐ-UBND ngày 04/10/2013 của Chủ tịch UBND quận T.

1.4. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Công văn số 1999/UBND – DA ngày 06/11/2015 của UBND quận T.

1.5. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 02/11/2016 về hỗ trợ bằng bồi thường đối với phần diện tích đất 20,64m^2 không được công nhận trong giấy chứng nhận của ông H.

1.6. Bác yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5292/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch UBND Thành phố H (đã yêu cầu tại Đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/6/2021).

1.7. Bác yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân quận T bồi thường 38,30m^2 đất đã thu hồi cách tính như 47 hộ quận G là bồi thường cộng thêm lãi suất ngân hàng có kỳ hạn từ năm 2008 cho đến khi bồi thường xong và phần hỗ trợ do lỗi chậm chi trả bồi thường của cơ quan nhà nước, không được tính thuế tiền sử dụng đất.

1.8. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Gia H được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm, bà L và ông H được hoàn trả lại số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng đã đóng theo biên lai tạm ứng án phí số 03058 ngày 01/12/2014 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Gia H thuộc trường hợp người cao tuổi được xét miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa